



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Thành phố Hồ Chí Minh

Số 287 + 288

Ngày 15 tháng 5 năm 2025

MỤC LỤC

Trang

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

21-4-2025-	Quyết định số 60/2025/QĐ-UBND bãi bỏ các quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.	3
21-4-2025-	Quyết định số 61/2025/QĐ-UBND ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Xúc tiến Thương mại và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh.	5
23-4-2025-	Quyết định số 62/2025/QĐ-UBND bãi bỏ Quyết định số 54/2021/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy định về kiểm tra vệ sinh thú y, hoạt động chăn nuôi, vận chuyển, kinh doanh động vật trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.	23

VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

- 28-3-2025- Quyết định số 1198/QĐ-UBND về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Di sản văn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Văn hóa và Thể thao. 25
- 28-3-2025- Quyết định số 1199/QĐ-UBND về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Quy hoạch xây dựng, Quy hoạch - Kiến trúc, Kiến trúc thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Xây dựng. 28
- 31-3-2025- Quyết định số 1206/QĐ-UBND về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Bảo trợ xã hội; Phòng, chống tệ nạn xã hội thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Y tế. 36

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Số: 60/2025/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 4 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Bãi bỏ các quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 524/TTr-STNMT-TTS ngày 14 tháng 3 năm 2025 và ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 1126/BC-STP ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định bãi bỏ các quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 1. Bãi bỏ toàn bộ các quyết định

Bãi bỏ toàn bộ 02 Quyết định sau:

1. Quyết định số 06/2018/QĐ-UBND ngày 07 tháng 3 năm 2018 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành quy định về giải quyết tranh chấp đất đai và cưỡng chế thực hiện quyết định giải quyết tranh chấp đất đai có hiệu lực thi hành

trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Quyết định số 20/2023/QĐ-UBND ngày 19 tháng 5 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về giải quyết tranh chấp đất đai và cưỡng chế thực hiện quyết định giải quyết tranh chấp đất đai có hiệu lực thi hành trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 06/2018/QĐ-UBND ngày 07 tháng 3 năm 2018 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 5 năm 2025.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Thủ trưởng các sở, ban, ngành liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Dương Ngọc Hải

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 61/2025/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 4 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn
và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Xúc tiến Thương mại và Đầu tư
Thành phố Hồ Chí Minh**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Luật Quản lý Ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa ngày 12 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Cán bộ công chức và Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 28/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Quản lý ngoại thương về một số biện pháp phát triển

ngoại thương;

Căn cứ Nghị định số 81/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại;

Căn cứ Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-UBND ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ về quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và bước dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa;

Căn cứ Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Quyết định số 72/2010/QĐ-TTg ngày 15 tháng 11 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia; Quyết định số 12/2019/QĐ-TTg ngày 26 tháng 02 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại ban hành kèm theo Quyết định số 72/2010/QĐ-TTg ngày 15 tháng 11 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ;

Theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm Xúc tiến Thương mại và Đầu tư Thành phố tại Tờ trình số 557/TTr-ITPC ngày 28 tháng 3 năm 2025; Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 1984/TTr-SNV ngày 10 tháng 4 năm 2025; ý kiến thẩm định của Giám đốc Sở Tư pháp tại Báo cáo số 1581/BC-STP ngày 06 tháng 02 năm 2025; ý kiến thống nhất của Thành viên Ủy ban nhân dân Thành phố.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành Quy định

Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Xúc tiến Thương mại và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Điều khoản thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 5 năm 2025; thay thế Quyết định số 53/2011/QĐ-UBND ngày 09 tháng 7 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm Xúc tiến Thương mại và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Trung tâm Xúc tiến Thương mại và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Võ Văn Hoan

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

**Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của
Trung tâm Xúc tiến Thương mại và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh**
*(Kèm theo Quyết định số 61/2025/QĐ-UBND ngày 21 tháng 4 năm 2025
của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)*

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Vị trí, chức năng

1. Trung tâm Xúc tiến Thương mại và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là Trung tâm) là đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, hoạt động theo cơ chế tài chính quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ, có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, được mở tài khoản tại Kho bạc nhà nước và ngân hàng thương mại để hoạt động theo quy định của pháp luật.

2. Trung tâm Xúc tiến Thương mại và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện chức năng tham mưu các chương trình, kế hoạch về xúc tiến thương mại, xúc tiến đầu tư; tham mưu các chương trình hỗ trợ, chính sách khuyến khích xuất khẩu, thu hút đầu tư nước ngoài vào Thành phố và đầu tư của doanh nghiệp Thành phố ra nước ngoài và vào các địa phương khác, các giải pháp cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh của Thành phố; tổ chức thực hiện các chương trình, hoạt động xúc tiến thương mại và đầu tư của Thành phố; hỗ trợ, tư vấn cho nhà đầu tư, doanh nghiệp về chính sách, pháp lý và các thủ tục hành chính liên quan đến đầu tư, thương mại; đầu mối tiếp nhận, điều phối và hỗ trợ, giải quyết tháo gỡ khó khăn, vướng mắc của nhà đầu tư, doanh nghiệp trong quá trình hoạt động trên địa bàn Thành phố; cung cấp các dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực xúc tiến thương mại, đầu tư và hỗ trợ doanh nghiệp.

Điều 2. Trụ sở làm việc

Trụ sở làm việc của Trung tâm Xúc tiến Thương mại và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh đặt tại số 51 đường Đinh Tiên Hoàng, phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tên giao dịch bằng tiếng Anh: Investment and Trade Promotion Centre of Ho Chi Minh City.

Tên viết tắt là: ITPC

Phòng trưng bày giới thiệu sản phẩm (Showroom) tại số 92 - 94 - 96 đường Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Website: <http://itpc.hochiminhcity.gov.vn>

Điện thoại: 028 38236738; Email: itpc@tphcm.gov.vn

Chương II **NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN**

Điều 3. Nhiệm vụ, quyền hạn

1. Tham mưu xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch, chương trình xúc tiến thương mại, đầu tư của Thành phố và thực hiện các nhiệm vụ khác về xúc tiến thương mại, đầu tư được Ủy ban nhân dân Thành phố giao

a) Tham mưu cho Ủy ban nhân dân Thành phố các chương trình hỗ trợ, khuyến khích xuất khẩu, đầu tư nước ngoài vào Thành phố và đầu tư của doanh nghiệp Thành phố ra nước ngoài và vào các địa phương khác.

b) Phối hợp với các sở, ngành chức năng của Thành phố, các địa phương, các khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất, hiệp hội doanh nghiệp Thành phố, hội ngành nghề,... tham mưu đề xuất các chương trình, kế hoạch 5 năm, hằng năm về xúc tiến thương mại và đầu tư của Thành phố.

2. Hoạt động xúc tiến thương mại phát triển ngoại thương

a) Tổ chức và tham gia hội nghị, hội chợ, triển lãm, giao dịch, sự kiện xúc tiến thương mại ở nước ngoài và tại Việt Nam phục vụ xuất khẩu, nhập khẩu.

b) Tư vấn, hỗ trợ xây dựng hệ thống phân phối và khu vực trưng bày, giới

thiệu hàng hóa xuất khẩu ở nước ngoài và tại Việt Nam.

c) Tổ chức đoàn khảo sát thị trường, giao dịch với tổ chức, doanh nghiệp nước ngoài.

d) Tổ chức đoàn doanh nghiệp nước ngoài vào Việt Nam tham gia các hội nghị, hội chợ, triển lãm, khảo sát thị trường và giao dịch với doanh nghiệp Việt Nam.

đ) Tổ chức các hoạt động giao thương, kết nối thông qua các sàn giao dịch thương mại điện tử, cổng thông tin điện tử, mạng internet, mạng viễn thông.

e) Tổ chức thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển hạ tầng thương mại, logistics phục vụ hoạt động ngoại thương; tổ chức, tham gia hội nghị, hội chợ, triển lãm ở nước ngoài về logistics; tổ chức mời đoàn doanh nghiệp vào Việt Nam trao đổi về cơ hội đầu tư, hợp tác về phát triển dịch vụ logistics; tổ chức diễn đàn logistics Việt Nam, tổ chức hội chợ, triển lãm quốc tế về logistics tại Việt Nam.

g) Tổ chức thực hiện hoạt động hỗ trợ nghiên cứu sản phẩm, ngành hàng, thị trường bao gồm:

Xây dựng và phát hành thông tin, cơ sở dữ liệu về sản phẩm, ngành hàng, thị trường; hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận, áp dụng và tuân thủ các quy định, tiêu chuẩn, điều kiện của các tổ chức nhập khẩu, các hiệp định thương mại tự do, các cam kết quốc tế về sản phẩm xuất khẩu, nhập khẩu;

Phối hợp với cơ quan truyền thông (truyền hình, phát thanh, báo chí) xây dựng các chương trình truyền hình, truyền thanh và bài viết chuyên đề về thông tin thị trường, hoạt động xúc tiến thương mại, đầu tư, hỗ trợ doanh nghiệp nhằm hỗ trợ doanh nghiệp mở rộng thị trường, giới thiệu sản phẩm, cung cấp thông tin về chính sách, môi trường sản xuất, đầu tư và các định hướng phát triển của Thành phố đến cộng đồng doanh nghiệp trong và ngoài nước;

Tổ chức và tham gia các chương trình khảo sát, hoạt động nghiên cứu, tìm hiểu thông tin về sản phẩm, ngành hàng, thị trường;

Tổ chức hội nghị, hội thảo, tọa đàm, diễn đàn trong nước và nước ngoài cung cấp thông tin về phát triển sản phẩm, ngành hàng, thị trường;

Tổ chức tuyên truyền quảng bá các sản phẩm có tiềm năng xuất khẩu trên các phương tiện truyền thông trong nước và nước ngoài.

h) Thực hiện hoạt động đào tạo hỗ trợ, nâng cao năng lực thiết kế nhằm phát triển sản phẩm và thị trường cho doanh nghiệp; hỗ trợ, nâng cao năng lực xây dựng, phát triển và bảo vệ thương hiệu; hỗ trợ nâng cao năng lực quản trị sản xuất kinh doanh và năng lực cạnh tranh của sản phẩm; hỗ trợ nâng cao kỹ năng hội nhập kinh tế quốc tế bao gồm:

Đào tạo, tập huấn, phổ biến kiến thức nâng cao năng lực thiết kế, phát triển sản phẩm cho các doanh nghiệp và các nhà thiết kế; tổ chức hoạt động tư vấn, thuê chuyên gia tư vấn, hỗ trợ thực hiện thiết kế, phát triển sản phẩm;

Thực hiện hợp tác quốc tế trong lĩnh vực thiết kế phát triển sản phẩm; tổ chức hoạt động kết nối giữa doanh nghiệp với các nhà thiết kế; tổ chức tuyên truyền quảng bá về phát triển thiết kế và các hoạt động khác liên quan tới hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng lực thiết kế;

Đào tạo, tập huấn kiến thức về kinh doanh quốc tế nhằm nâng cao kỹ năng phân tích, đánh giá thị trường và thực hiện phát triển mở rộng thị trường; kỹ năng ký kết thực hiện hợp đồng và xử lý tranh chấp thương mại quốc tế; xây dựng các chương trình, hoạt động xúc tiến thương mại hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm;

Đào tạo, tập huấn kiến thức về quản trị doanh nghiệp, ứng dụng chuyển đổi số nâng cao hiệu quả quản trị sản xuất và kinh doanh; quản lý/kiểm soát rủi ro, tính hiệu quả của doanh nghiệp trước những khó khăn, thách thức;

Đào tạo, hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng lực nghiên cứu, phát triển sản phẩm phù hợp với nhu cầu thị trường; hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng lực tổ chức sản xuất, năng suất, chất lượng sản phẩm, đáp ứng yêu cầu, quy định, tiêu chuẩn chất lượng của thị trường; hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện chuyển đổi số, ứng dụng khoa học công nghệ trong sản xuất, tham gia thương mại điện tử xuyên biên giới để nâng cao năng lực cạnh tranh, phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, đáp ứng xu hướng sản xuất và tiêu dùng bền vững;

Tổ chức thực hiện các hoạt động hỗ trợ thông tin tuyên truyền, tập huấn bồi dưỡng kiến thức và tư vấn về hội nhập quốc tế; tổ chức chức hội thảo, hội nghị, các khóa tập huấn bồi dưỡng kiến thức và các kỹ năng liên quan đến hội nhập quốc tế.

i) Xây dựng và tổ chức quản lý vận hành, khai thác hệ sinh thái xúc tiến thương mại số gồm có:

Xây dựng và quản lý Hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung về xúc tiến thương mại bao gồm thông tin doanh nghiệp phân loại theo ngành hàng - sản phẩm, loại hình doanh nghiệp, quy mô hoạt động; thông tin nghiên cứu thị trường, ngành hàng - sản phẩm; thông tin đối tác thương mại, tổ chức hợp tác xúc tiến thương mại và đầu tư trong nước và ngoài nước và các cơ sở dữ liệu khác phục vụ hoạt động xúc tiến thương mại;

Xây dựng và quản lý sàn kết nối giao thương B2B trực tuyến toàn cầu: hỗ trợ các doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và vừa thâm nhập thị trường nước ngoài, giới thiệu các sản phẩm mới nhất của doanh nghiệp, cung cấp thông tin cho người mua tiềm năng thông tin về sản phẩm của doanh nghiệp Việt Nam;

Xây dựng và quản lý nền tảng tổ chức triển lãm thương mại trực tuyến: tổ chức các triển lãm sản phẩm (trong nước và quốc tế) theo từng nhóm chuyên ngành trực tuyến kết hợp với triển lãm trực tiếp được tổ chức tại Thành phố;

Xây dựng và quản lý nền tảng cung cấp dịch vụ và giải pháp đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo giúp doanh nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh và thực hiện chuyển đổi số, chuyển đổi xanh gắn kết chuỗi cung ứng toàn cầu và mở rộng thị trường mới tiềm năng;

Xây dựng và quản lý nền tảng đào tạo trực tuyến, hỗ trợ đào tạo nâng cao năng lực xúc tiến thương mại, phát triển thị trường, nâng cao chất lượng sản phẩm, nâng cao năng lực cạnh tranh của sản phẩm và hội nhập quốc tế.

3. Hoạt động xúc tiến thương mại thị trường trong nước

a) Tổ chức các hoạt động giao thương giữa doanh nghiệp trong nước với hệ thống phân phối, các sàn giao dịch thương mại điện tử, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và doanh nghiệp của các địa phương.

b) Tổ chức các hội chợ, triển lãm hàng tiêu dùng tổng hợp hoặc vật tư, máy móc, thiết bị phục vụ phát triển nông nghiệp nông thôn, giới thiệu các sản phẩm của doanh nghiệp Việt Nam đến người tiêu dùng trong nước.

c) Tổ chức các hoạt động bán hàng: thực hiện các chương trình đưa hàng Việt về nông thôn, các khu công nghiệp, khu đô thị thông qua các doanh nghiệp kinh doanh theo ngành hàng, hợp tác xã, tổ hợp tác xã cung ứng dịch vụ trên địa bàn theo các đề án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

d) Tổ chức thực hiện điều tra, khảo sát, nghiên cứu thị trường trong nước; xây dựng cơ sở dữ liệu các mặt hàng quan trọng, thiết yếu; nghiên cứu phát triển hệ thống phân phối, cơ sở hạ tầng thương mại. Thực hiện phát hành các ấn phẩm để phổ biến kết quả điều tra, khảo sát, phổ biến pháp luật, tập quán, thói quen mua sắm.

đ) Tuyên truyền, nâng cao nhận thức cộng đồng về hàng hóa và dịch vụ Việt Nam đến người tiêu dùng trong nước qua các hoạt động truyền thông trên báo giấy, báo điện tử, truyền thanh, truyền hình, ấn phẩm và các hình thức phổ biến thông tin khác.

e) Hỗ trợ công tác quy hoạch, quản lý, vận hành cơ sở hạ tầng thương mại.

g) Tổ chức các sự kiện xúc tiến thương mại thị trường trong nước tổng hợp: tháng khuyến mại, tuần “hàng Việt Nam”, chương trình “hàng Việt” chương trình giới thiệu sản phẩm mới, bình chọn sản phẩm Việt Nam được yêu thích nhất theo tháng, quý, năm theo kế hoạch được cấp thẩm quyền phê duyệt.

h) Đào tạo, tập huấn ngắn hạn về kỹ năng kinh doanh, tổ chức mạng lưới bán lẻ; hỗ trợ tham gia các khóa đào tạo chuyên ngành ngắn hạn cho các doanh nghiệp hoạt động trong những ngành đặc thù; đào tạo kỹ năng phát triển thị trường trong nước; hợp tác với các tổ chức, cá nhân nghiên cứu xây dựng chương trình phát triển thị trường trong nước.

4. Hoạt động xúc tiến đầu tư

a) Thu thập thông tin, tổng hợp, nghiên cứu tiềm năng, thị trường, xu hướng và đối tác đầu tư; xây dựng các đề án, báo cáo, ấn phẩm, tài liệu; xây dựng hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu phục vụ cho hoạt động xúc tiến đầu tư; xây dựng cổng, trang thông tin điện tử về xúc tiến đầu tư.

b) Xây dựng hình ảnh, tuyên truyền, quảng bá, giới thiệu về môi trường, chính sách, tiềm năng, cơ hội và kết nối đầu tư. Thực hiện tuyên truyền, quảng bá môi trường, chính sách, pháp luật về đầu tư trên các phương tiện thông tin đại chúng trong nước và nước ngoài.

c) Phối hợp với các sở, ngành, địa phương xây dựng danh mục dự án thu hút đầu tư.

d) Thực hiện cung cấp thông tin, hướng dẫn nhà đầu tư thực hiện thủ tục đầu tư và các thủ tục hành chính liên quan đến đầu tư.

đ) Tổ chức đoàn khảo sát, nghiên cứu ở trong nước và nước ngoài; đoàn công tác xúc tiến đầu tư theo từng chuyên đề hoặc đối tác cụ thể.

e) Tổ chức diễn đàn, hội nghị, hội thảo, tọa đàm xúc tiến đầu tư ở trong nước và nước ngoài.

g) Tổ chức đối thoại giữa các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và nhà đầu tư với chính quyền Thành phố.

h) Kết nối nhà đầu tư với cơ quan nhà nước, với các nhà đầu tư, với các tổ chức, cá nhân.

i) Tổng hợp đề xuất, kiến nghị của nhà đầu tư và hỗ trợ tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện hoạt động đầu tư, kinh doanh.

5. Hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp

a) Tổ chức quản lý, điều hành hoạt động Hệ thống Đối thoại giữa Doanh nghiệp và Chính quyền Thành phố và tổ chức hoạt động đối thoại, gặp gỡ giữa lãnh đạo Thành phố và các sở, ngành, đơn vị chức năng của Thành phố với doanh nghiệp trong nước và nước ngoài.

b) Đầu mối tiếp nhận, trao đổi làm việc và tham mưu đề xuất giải quyết các khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn Thành phố.

c) Thu thập, tổng hợp các ý kiến hiến kế, đề xuất của cộng đồng doanh nghiệp trong nước và nước ngoài liên quan đến chủ trương, chính sách phát triển kinh tế xã hội để tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố thực hiện các giải pháp cải thiện môi trường kinh doanh và đầu tư của Thành phố.

d) Thực hiện các chính sách và chương trình hỗ trợ của Nhà nước và thực hiện hoạt động tư vấn hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

đ) Triển khai thực hiện đánh giá năng lực cạnh tranh cấp sở, ngành và địa phương (DDCI) của Thành phố.

6. Hoạt động dịch vụ xúc tiến thương mại, đầu tư và dịch vụ khác

a) Thực hiện cung cấp dịch vụ tư vấn hỗ trợ nhà đầu tư xin cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; thực hiện thủ tục hành chính triển khai thực hiện dự án đầu tư và các

thủ tục khác liên quan hoạt động đầu tư, kinh doanh. Thực hiện dịch vụ tư vấn lập dự án đầu tư; cung cấp thông tin kinh tế xã hội, chính sách, quy định pháp luật về đầu tư làm cơ sở phục vụ, nghiên cứu lập dự án đầu tư.

b) Thực hiện cung cấp dịch vụ tư vấn hỗ trợ thành lập tổ chức quản lý, tổ chức lại, giải thể và hoạt động có liên quan của doanh nghiệp; thành lập văn phòng đại diện của doanh nghiệp; thực hiện thủ tục hành chính liên quan để đảm bảo điều kiện kinh doanh theo quy định pháp luật đối với những ngành nghề kinh doanh có điều kiện.

c) Thực hiện hoạt động kinh doanh dịch vụ hội chợ, triển lãm thương mại. Tổ chức, cung cấp dịch vụ cho đoàn doanh nghiệp trong nước đi khảo sát thị trường, giao dịch với tổ chức, doanh nghiệp nước ngoài. Tổ chức cung cấp dịch vụ cho đoàn doanh nghiệp nước ngoài tham gia các hội nghị, hội chợ, triển lãm tổ chức tại Việt Nam.

d) Thực hiện cung cấp hoặc giới thiệu cung cấp dịch vụ theo yêu cầu của doanh nghiệp nước ngoài và trong nước như dịch vụ phòng hội nghị, văn phòng làm việc; dịch vụ thư ký, phiên dịch; dịch vụ tổ chức hội nghị, hội thảo; hoạt động tham quan khảo sát và kết nối với doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh xuất nhập khẩu.

đ) Tổ chức thực hiện tư vấn xuất nhập khẩu cho doanh nghiệp trong nước và nước ngoài có nhu cầu như tư vấn dịch vụ thanh toán quốc tế, dịch vụ vận tải, dịch vụ bảo hiểm, thủ tục hải quan, thủ tục đăng ký kiểm tra với các cơ quan quản lý nhà nước liên quan xuất nhập khẩu hàng hóa.

e) Tổ chức thực hiện dịch vụ tư vấn, hỗ trợ, hướng dẫn doanh nghiệp xây dựng chiến lược xuất khẩu, chiến lược thương hiệu, tư vấn quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa xuất khẩu của doanh nghiệp đáp ứng yêu cầu, quy định, tiêu chuẩn chất lượng của thị trường xuất khẩu; tư vấn doanh nghiệp chuyển đổi mô hình sản xuất theo hướng phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn.

7. Phát triển hợp tác quốc tế với các tổ chức xúc tiến thương mại và đầu tư trong nước và nước ngoài, nhằm đẩy mạnh hoạt động xúc tiến thương mại và đầu tư của Thành phố.

Tổ chức liên kết với các Cơ quan xúc tiến ở Trung ương, các tỉnh và thành phố trong cả nước thành mạng lưới xúc tiến (networking) để trao đổi thông tin, hỗ trợ cụ thể và tích cực hơn trong công tác xúc tiến.

Mở rộng và đẩy mạnh hợp tác chiến lược với các tổ chức xúc tiến thương mại và đầu tư quốc tế ở trong và ngoài nước để tăng cường hiệu quả và các cơ hội mới cho hoạt động xúc tiến.

8. Các nhiệm vụ khác

a) Tham mưu các chương trình, kế hoạch về xúc tiến thương mại, xúc tiến đầu tư.

b) Tham mưu quy chế phối hợp với các sở ngành và các đơn vị liên quan để tổ chức thực hiện hiệu quả chức năng, nhiệm vụ được giao.

c) Tham mưu các chương trình hỗ trợ, chính sách khuyến khích xuất khẩu, thu hút đầu tư nước ngoài vào Thành phố và đầu tư của doanh nghiệp Thành phố và nước ngoài vào các địa phương khác, các giải pháp cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh của Thành phố.

9. Quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, viên chức, người lao động, thực hiện chế độ tiền lương và các chính sách, chế độ đãi ngộ về thi đua, khen thưởng, kỷ luật, bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ đối với viên chức, người lao động thuộc Trung tâm theo quy định của pháp luật và phân cấp quản lý của Ủy ban nhân dân Thành phố.

10. Quản lý tài chính, tài sản được giao, tổ chức thực hiện ngân sách được phân bổ theo quy định của pháp luật.

11. Được thu thập ý kiến của cộng đồng doanh nghiệp trong nước và nước ngoài, qua đó kiến nghị với Ủy ban nhân dân Thành phố giải quyết các khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp nhằm giúp các doanh nghiệp phát triển sản xuất kinh doanh và đầu tư.

12. Được quyền phối hợp và đề nghị các sở, ban, ngành, địa phương cung cấp thông tin đối với các dự án trong danh mục kêu gọi đầu tư mà nhà đầu tư quan tâm; tổ chức thực hiện, giải quyết hồ sơ thủ tục đầu tư đúng trình tự, thời gian được pháp luật quy định.

13. Được đề nghị với các sở, ngành và các đơn vị quản lý nhà nước trên địa bàn Thành phố cung cấp thông tin, số liệu có liên quan để phục vụ cho hoạt động xúc tiến thương mại, đầu tư và hỗ trợ doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố.

14. Được phép thu các khoản phí, lệ phí dịch vụ tư vấn, dịch vụ xúc tiến thương mại, đầu tư và dịch vụ khác theo quy định của pháp luật.

15. Được thực hiện các quyền hạn theo quy định gắn với trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ được giao.

16. Được Ủy ban nhân dân Thành phố đảm bảo các điều kiện về tài chính, tài sản, phương tiện làm việc và nhân sự để Trung tâm thực hiện tốt nhiệm vụ được giao.

17. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân Thành phố giao theo quy định của pháp luật.

Chương III

CƠ CẤU TỔ CHỨC BỘ MÁY, SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC

Điều 4. Cơ cấu tổ chức bộ máy

1. Lãnh đạo Trung tâm

a) Trung tâm có Giám đốc và không quá 03 (ba) Phó Giám đốc; Giám đốc, Phó Giám đốc do Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, cho từ chức, nghỉ hưu và thực hiện các chế độ, chính sách theo quy định của Đảng và Nhà nước.

b) Giám đốc là người đứng đầu Trung tâm, chỉ đạo, điều hành toàn bộ các hoạt động của Trung tâm; chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố và trước pháp luật về thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Trung tâm; chịu trách nhiệm báo cáo công tác trước Ủy ban nhân dân Thành phố và các cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

c) Phó Giám đốc giúp Giám đốc thực hiện một hoặc một số nhiệm vụ được Giám đốc phân công và chịu trách nhiệm trước Giám đốc và trước pháp luật về các nhiệm vụ được phân công. Khi Giám đốc vắng mặt, một Phó Giám đốc được Giám đốc ủy quyền điều hành các hoạt động của Trung tâm.

d) Nhiệm vụ và quyền hạn cụ thể của Ban Giám đốc, Giám đốc và các Phó Giám đốc Trung tâm được quy định tại quy chế làm việc và quyết định phân công công việc của các thành viên Ban Giám đốc theo quy định hiện hành.

2. Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu các phòng chuyên môn, các

đơn vị trực thuộc Trung tâm Xúc tiến Thương mại và Đầu tư Thành phố

a) Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu các phòng chuyên môn, các đơn vị trực thuộc Trung tâm do Giám đốc Trung tâm bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, cho từ chức, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, nghỉ hưu và thực hiện chế độ, chính sách theo quy định của Đảng và Nhà nước.

b) Người đứng đầu các phòng chuyên môn, các đơn vị trực thuộc Trung tâm (gọi chung là người đứng đầu) chịu trách nhiệm trước Giám đốc Trung tâm, trước pháp luật về việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ, quyền hạn được giao và việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của tổ chức được giao phụ trách.

c) Cấp phó của người đứng đầu các phòng chuyên môn, các đơn vị trực thuộc Trung tâm (gọi chung là cấp phó của người đứng đầu) là người giúp người đứng đầu phụ trách, theo dõi, chỉ đạo một số mặt công tác, chịu trách nhiệm trước Giám đốc Trung tâm, trước người đứng đầu và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công. Khi người đứng đầu vắng mặt, người đứng đầu ủy nhiệm cho một cấp phó điều hành các hoạt động của tổ chức.

Số lượng cấp phó của người đứng đầu các phòng chuyên môn, các đơn vị trực thuộc Trung tâm thực hiện theo quy định hiện hành.

3. Các phòng chuyên môn

a) Văn phòng;

b) Phòng Xúc tiến Phát triển ngoại thương và thị trường trong nước;

c) Phòng Xúc tiến Đầu tư và hợp tác địa phương;

d) Phòng Thông tin truyền thông và Thương mại số;

đ) Phòng Nghiên cứu phát triển và Đào tạo;

e) Phòng Dịch vụ và Hỗ trợ doanh nghiệp.

4. Giám đốc Trung tâm có trách nhiệm ban hành văn bản quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của các phòng chuyên môn, các đơn vị trực thuộc Trung tâm và trách nhiệm của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu của các phòng chuyên môn, các đơn vị trực thuộc Trung tâm.

5. Việc thành lập, giải thể các đơn vị trực thuộc Trung tâm Xúc tiến Thương

mại và Đầu tư Thành phố do Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét và quyết định theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm Xúc tiến Thương mại và Đầu tư Thành phố.

Điều 5. Số lượng người làm việc

1. Số lượng người làm việc của Trung tâm được Ủy ban nhân dân Thành phố giao trên cơ sở vị trí việc làm và khối lượng công việc thực tế tại từng vị trí việc làm; mức độ hiện đại hóa công sở, trang thiết bị, phương tiện làm việc, ứng dụng công nghệ thông tin và thực trạng quản lý, sử dụng số lượng người làm việc được giao của đơn vị.

2. Giám đốc Trung tâm có trách nhiệm xây dựng, trình Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định phê duyệt Đề án vị trí việc làm, nhu cầu vị trí việc làm và cơ cấu viên chức, chức danh nghề nghiệp của Trung tâm theo quy định.

Chương IV

CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC VÀ QUAN HỆ CÔNG TÁC

Điều 6. Chế độ làm việc

1. Trung tâm Xúc tiến Thương mại và Đầu tư Thành phố làm việc theo chế độ thủ trưởng và theo Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân Thành phố, bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ.

2. Căn cứ các quy định của pháp luật và phân công của Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Trung tâm ban hành Quy chế làm việc của Trung tâm và chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện quy định.

3. Giám đốc Trung tâm chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về các hoạt động của Trung tâm trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước, quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm.

4. Giám đốc Trung tâm có trách nhiệm báo cáo với Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về tổ chức, hoạt động của Trung tâm; báo cáo công tác trước Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân Thành phố khi có yêu cầu; cung cấp tài liệu cần thiết theo yêu cầu của Hội đồng nhân dân Thành phố; trả

lời kiến nghị của cử tri, chất vấn của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố về những vấn đề trong phạm vi quản lý; phối hợp với thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố, người đứng đầu tổ chức chính trị - xã hội, các cơ quan có liên quan trong việc thực hiện nhiệm vụ của Trung tâm.

5. Giám đốc Trung tâm bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ lãnh đạo quản lý, cho từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thực hiện chế độ, chính sách đối với người đứng đầu và cấp Phó người đứng đầu các phòng chuyên môn, các đơn vị trực thuộc Trung tâm theo quy định và phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức của Ủy ban nhân dân Thành phố.

Điều 7. Đối với Hội đồng nhân dân Thành phố và Ủy ban nhân dân Thành phố

1. Trung tâm Xúc tiến Thương mại và Đầu tư Thành phố có trách nhiệm báo cáo những vấn đề liên quan đến công tác xúc tiến thương mại, đầu tư và hỗ trợ doanh nghiệp của Thành phố cho Hội đồng nhân dân Thành phố và Ủy ban nhân dân Thành phố; chuẩn bị các nội dung để trả lời chất vấn, kiến nghị của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố những vấn đề liên quan đến nhiệm vụ được giao.

2. Trung tâm Xúc tiến Thương mại và Đầu tư Thành phố chịu sự chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Thành phố và sự kiểm tra, giám sát của Hội đồng nhân dân Thành phố đối với các hoạt động xúc tiến thương mại, đầu tư. Giám đốc Trung tâm có trách nhiệm báo cáo định kỳ, đột xuất tình hình và kế hoạch tổ chức hoạt động của Trung tâm cho Ủy ban nhân dân Thành phố theo quy định; tham gia đầy đủ các cuộc họp do Ủy ban nhân dân Thành phố triệu tập, tổ chức và kiểm tra việc thực hiện các quyết định, chỉ thị, công văn của Ủy ban nhân dân Thành phố đối với các vấn đề có liên quan đến lĩnh vực, nhiệm vụ được giao.

3. Đối với những vấn đề vượt quá thẩm quyền của Giám đốc, Giám đốc báo cáo, xin ý kiến Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố để xem xét, quyết định.

Điều 8. Đối với các sở, ban, ngành Thành phố

1. Đối với Sở Tài chính, Sở Công Thương

Trung tâm chịu sự quản lý nhà nước về hoạt động xúc tiến thương mại, đầu tư, hỗ trợ doanh nghiệp tại Thành phố Hồ Chí Minh của Sở Tài chính, Sở Công Thương (cơ quan được Ủy ban nhân dân Thành phố giao nhiệm vụ thực hiện quản lý nhà nước

về hoạt động xúc tiến thương mại, đầu tư tại địa phương). Định kỳ báo cáo tình hình hoạt động của Trung tâm, thực hiện các báo cáo đột xuất theo yêu cầu. Kịp thời góp ý, đề xuất, kiến nghị xử lý các vấn đề phát sinh liên quan đến hoạt động và sự phát triển của Trung tâm.

2. Đối với các sở, ban, ngành khác thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố

Mối quan hệ giữa Trung tâm với các sở, ban, ngành khác thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố là quan hệ phối hợp và tạo điều kiện cùng thực hiện tốt các nhiệm vụ theo ngành, lĩnh vực công tác và đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được Ủy ban nhân dân Thành phố giao.

3. Khi giải quyết vấn đề thuộc thẩm quyền của Trung tâm có liên quan đến các sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố, Trung tâm chủ động lấy ý kiến Thủ trưởng các sở, ban, ngành đó (bằng văn bản).

Điều 9. Đối với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố và các tổ chức chính trị - xã hội Thành phố

Trung tâm Xúc tiến Thương mại và Đầu tư Thành phố chủ động tham khảo ý kiến của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố và các tổ chức chính trị - xã hội Thành phố trong việc giải quyết các vấn đề có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Trung tâm nhằm phối hợp thực hiện những chủ trương, chỉ đạo của Thành ủy Thành phố và Ủy ban nhân dân Thành phố. Tạo điều kiện thuận lợi cho Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố và các tổ chức chính trị - xã hội Thành phố tổ chức giám sát, phản biện xã hội và phối hợp hoạt động đối với các nội dung có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ và công tác tham mưu của Trung tâm.

Chương V

TRÁCH NHIỆM THI HÀNH

Điều 10. Trách nhiệm triển khai

Giám đốc Trung tâm Xúc tiến Thương mại và Đầu tư Thành phố chịu trách nhiệm triển khai và tổ chức thực hiện Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm.

Điều 11. Tổ chức thực hiện

1. Giám đốc Trung tâm ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các phòng chuyên môn thuộc Trung tâm, bảo đảm phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm và các quy định của pháp luật hiện hành.

2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện và thành phố Thủ Đức căn cứ chức năng, nhiệm vụ của ngành, địa phương có trách nhiệm phối hợp thực hiện đúng nội dung Quy định này.

3. Trong quá trình thực hiện Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm, nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc cần sửa đổi, bổ sung, thay thế Quy định thì Giám đốc Trung tâm phối hợp với Giám đốc Sở Nội vụ trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định./.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 62/2025/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 4 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Bãi bỏ Quyết định số 54/2021/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2021
của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy định
về kiểm tra vệ sinh thú y, hoạt động chăn nuôi, vận chuyển, kinh doanh
động vật trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020;

*Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ
quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban
hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ
về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số
1608/TTr-STNMT-CCCNTY ngày 28 tháng 3 năm 2025 và ý kiến thẩm định của
Giám đốc Sở Tư pháp tại Báo cáo số 2070/BC-STP ngày 24 tháng 3 năm 2025; ý
kiến thống nhất của Thành viên Ủy ban nhân dân Thành phố.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bãi bỏ toàn bộ quyết định

Bãi bỏ toàn bộ Quyết định số 54/2021/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy định về kiểm tra vệ sinh thú

y, hoạt động chăn nuôi, vận chuyển, kinh doanh động vật trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 05 tháng 5 năm 2025.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Tư pháp, Thủ trưởng các Sở - ngành Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Võ Văn Hoan

VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1198/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Di sản văn hóa
thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Văn hóa và Thể thao

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định có liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao tại Tờ trình số 1718/TTr-SVHTT ngày 25 tháng 3 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục 01 thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực Di sản văn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Văn hóa và

Thể thao.

Danh mục thủ tục hành chính được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân Thành phố tại <https://hochiminhcity.gov.vn/chinhquyen> (CÔNG BỐ TTHC, THỦ TỤC HÀNH CHÍNH, Công bố thủ tục hành chính).

Điều 2. Giao Sở Văn hóa và Thể thao rà soát, đánh giá tiêu chí để cung cấp dịch vụ công trực tuyến trong thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử; xây dựng quy trình nội bộ giải quyết các thủ tục hành chính, tái cấu trúc quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính theo các phương án tại Quyết định số 1802/QĐ-UBND ngày 27 tháng 5 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố và cập nhật đầy đủ lên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 12 tháng 4 năm 2025.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Võ Văn Hoan

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH LĨNH VỰC DI SẢN VĂN HÓA THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ VĂN HÓA VÀ THỂ THAO

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1198/QĐ-UBND ngày 28 tháng 3 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	Thủ tục cấp phép nhập khẩu di vật, cổ vật không nhằm mục đích kinh doanh cấp tinh.	02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp cần xin ý kiến của cơ quan có liên quan, thời hạn giải quyết có thể kéo dài nhưng tối đa không quá 10 ngày.	Sở Văn hóa và Thể thao, 164 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định 32/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về quản lý xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh. - Nghị định 31/2025/NĐ-CP ngày ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 32/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về quản lý xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh. - Quyết định số 759/QĐ-BVHTTDL ngày 21 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, được thay thế trong lĩnh vực Di sản văn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1199/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính
lĩnh vực Quy hoạch xây dựng, Quy hoạch - Kiến trúc, Kiến trúc
thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Xây dựng**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định có liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 897/TTr-SXD ngày 25 tháng 3 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục 12 thủ tục hành chính trong các lĩnh vực Quy hoạch xây dựng, Quy hoạch - Kiến trúc, Kiến trúc thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Xây dựng.

Danh mục thủ tục hành chính được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân Thành phố tại <https://hochiminhcity.gov.vn/chinhquyen> (CÔNG BỐ TTHC, THỦ TỤC HÀNH CHÍNH, Công bố thủ tục hành chính).

Điều 2. Giao Sở Xây dựng rà soát, đánh giá tiêu chí để cung cấp dịch vụ công trực tuyến trong thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử; xây dựng quy trình nội bộ giải quyết các thủ tục hành chính, tái cấu trúc quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính theo các phương án tại Quyết định số 1802/QĐ-UBND ngày 27 tháng 5 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố và cập nhật đầy đủ lên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Bãi bỏ nội dung công bố các thủ tục tại Danh mục thủ tục hành chính ban hành kèm theo Quyết định số 3070/QĐ-UBND ngày 23 tháng 8 năm 2021; Quyết định số 3029/QĐ-UBND ngày 25 tháng 7 năm 2023 và Quyết định số 4399/QĐ-UBND ngày 04 tháng 10 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Giám đốc Sở Xây dựng, Trưởng ban Ban Quản lý các Khu chế xuất và Công nghiệp Thành phố, Trưởng ban Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Võ Văn Hoan

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC QUY HOẠCH XÂY DỰNG, QUY HOẠCH - KIẾN TRÚC, KIẾN TRÚC THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA SỞ XÂY DỰNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1199/QĐ-UBND ngày 28 tháng 3 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)

A. Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Sở Xây dựng và các Ban Quản lý

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm tiếp nhận	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
I. Lĩnh vực Quy hoạch Xây dựng					
1	Cung cấp thông tin về Quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Sở Xây dựng (60 Trương Định, phường Võ Thị Sáu, Quận 3)	Không	- Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009; - Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; - Luật sửa đổi một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018. - Quyết định số 808/QĐ-BXD ngày 17/6/2020 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính “Cung cấp thông tin về Quy hoạch xây dựng” thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.
II. Lĩnh vực Kiến trúc					
1	Cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc	15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Sở Xây dựng (60 Trương Định, phường Võ Thị Sáu, Quận 3)	300.000 đồng	- Luật Kiến trúc ngày 13/6/2019; - Nghị định số 85/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kiến trúc;
2	Cấp lại chứng chỉ hành nghề kiến trúc (do chứng chỉ hành	05 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Sở Xây dựng (60 Trương Định, phường Võ Thị Sáu, Quận 3)	150.000 đồng	- Thông tư số 38/2022/TT-BTC ngày 24/6/2022 của Bộ Tài chính về quy định

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm tiếp nhận	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	nghe bị mất, hư hỏng hoặc thay đổi thông tin cá nhân được ghi trong chứng chỉ hành nghề kiến trúc).				mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép hoạt động xây dựng, lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc sư. - Quyết định số 1186a/QĐ-BXD ngày 07 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực quy hoạch kiến trúc thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.
3	Cấp lại chứng chỉ hành nghề kiến trúc bị ghi sai do lỗi của cơ quan cấp	10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Sở Xây dựng (60 Trương Định, phường Võ Thị Sáu, Quận 3)	Không thu phí	
4	Gia hạn chứng chỉ hành nghề kiến trúc	10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Sở Xây dựng (60 Trương Định, phường Võ Thị Sáu, Quận 3)	150.000 đồng	
5	Công nhận chứng chỉ hành nghề kiến trúc của người nước ngoài ở Việt Nam	10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Sở Xây dựng (60 Trương Định, phường Võ Thị Sáu, Quận 3)	150.000 đồng	
6	Chuyển đổi chứng chỉ hành nghề kiến trúc của người nước ngoài ở Việt Nam	10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Sở Xây dựng (60 Trương Định, phường Võ Thị Sáu, Quận 3)	300.000 đồng	
III. Lĩnh vực Quy hoạch - Kiến trúc					
1	Thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch	20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ	- Sở Xây dựng; - Ban Quản lý các Khu	Xác định mức thu phí theo Thông tư số	- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm tiếp nhận	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh	sơ hợp lệ	chế xuất và công nghiệp Thành phố (Trong phạm vi ranh giới của Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố thuộc địa giới hành chính 02 quận huyện trở lên); - Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức (Trong phạm vi ranh giới thành phố Thủ Đức).	20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.	- Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018; - Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24/6/2023 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh; - Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;
2	Thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh	25 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Sở Xây dựng; - Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố (Trong phạm vi ranh giới của Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố thuộc địa giới hành chính 02 quận huyện trở lên); - Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức (Trong phạm vi ranh giới thành phố Thủ Đức).	Xác định mức thu phí theo Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.	- Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; - Các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Xây dựng: số 06/2013/TT-BXD ngày 13/5/2013 hướng dẫn về nội dung thiết kế đô thị; số 16/2013/TT-BXD ngày 16/10/2013 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2013/TT-BXD ngày 13/5/2013 của Bộ Xây dựng; số

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm tiếp nhận	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					<p>20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị;</p> <p>- Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị;</p> <p>- Quyết định số 835/QĐ-BXD ngày 29/8/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được chuẩn hóa; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế; thủ tục hành chính bị hủy bỏ hoặc bãi bỏ trong lĩnh vực Quy hoạch - Kiến trúc thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.</p>

B. Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức và các Ban Quản lý

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
I. Lĩnh vực Quy hoạch Xây dựng					
1	Cung cấp thông tin về Quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Ủy ban nhân dân các quận, huyện và thành phố Thủ Đức	Không	<p>- Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009;</p> <p>- Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;</p> <p>- Luật sửa đổi một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018.</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					- Quyết định số 808/QĐ-BXD ngày 17/6/2020 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính “Cung cấp thông tin về Quy hoạch xây dựng” thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.
II. Lĩnh vực Quy hoạch - Kiến trúc					
1	Thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện	20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	<ul style="list-style-type: none"> - Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức; - Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố (Trong phạm vi ranh giới của Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố); - Ban Quản lý Khu công nghệ cao Thành phố (Trong phạm vi ranh giới của Ban Quản lý Khu công nghệ cao Thành phố). 	Xác định mức thu phí theo Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014. - Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009. - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018. - Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24/6/2023 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh. - Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị. - Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy
2	Thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư	25 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức;	Xác định mức thu phí theo Thông tư số 20/2019/TT-	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện		<ul style="list-style-type: none"> - Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố (Trong phạm vi ranh giới của Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố); - Ban Quản lý Khu công nghệ cao Thành phố (Trong phạm vi ranh giới của Ban Quản lý Khu công nghệ cao Thành phố). 	BXD ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.	<p>định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Xây dựng: số 06/2013/TT-BXD ngày 13/5/2013 hướng dẫn về nội dung thiết kế đô thị; số 16/2013/TT-BXD ngày 16/10/2013 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2013/TT-BXD ngày 13/5/2013 của Bộ Xây dựng; số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị. - Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị. - Quyết định số 835/QĐ-BXD ngày 29/8/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được chuẩn hóa; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế; thủ tục hành chính bị hủy bỏ hoặc bãi bỏ trong lĩnh vực Quy hoạch - Kiến trúc thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1206/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính
lĩnh vực Bảo trợ xã hội; Phòng, chống tệ nạn xã hội
thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Y tế

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định có liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Y tế tại Tờ trình số 2966/TTr-SYT ngày 26 tháng 3 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục 35 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Bảo trợ xã hội; Phòng, chống tệ nạn xã hội thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Y tế.

Danh mục thủ tục hành chính được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân Thành phố tại <https://hochiminhcity.gov.vn/chinhquyen> (CÔNG BỐ TTHC, THỦ TỤC HÀNH CHÍNH, Công bố thủ tục hành chính).

Điều 2. Giao Sở Y tế rà soát, đánh giá tiêu chí để cung cấp dịch vụ công trực tuyến trong thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử; xây dựng quy trình nội bộ giải quyết các thủ tục hành chính, tái cấu trúc quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính theo các phương án tại Quyết định số 1802/QĐ-UBND ngày 27 tháng 5 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố và cập nhật đầy đủ lên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2025.

Bãi bỏ nội dung công bố cho thủ tục:

- Thứ tự A.II.2, A.II.3, A.II.4, A.II.5 tại Danh mục thủ tục hành chính ban hành kèm theo Quyết định số 5287/QĐ-UBND ngày 10 tháng 10 năm 2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Thứ tự A.A1.III.3, A.A1.III.5, A.A2.II.1, A.A2.II.2, A.A3.III.1, A.A3.III.2, A.A3.III.5, A.A3.III.7 và A.A4.II.1 tại Danh mục thủ tục hành chính ban hành kèm theo Quyết định số 2375/QĐ-UBND ngày 04 tháng 6 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Thứ tự C.II.1, D.III.1, Đ.I.1 và Đ.I.2 tại Danh mục thủ tục hành chính ban hành kèm theo Quyết định số 1752/QĐ-UBND ngày 08 tháng 5 năm 2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Thứ tự Đ.II.1 tại Danh mục thủ tục hành chính ban hành kèm theo Quyết định số 3258/QĐ-UBND ngày 02 tháng 8 năm 2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Thứ tự A.A1.1, A.A2.1, B.B1.1, B.B2.2, B.B2.3, B.B2.4, B.B2.5, B.B2.6, C.C2.1 tại Danh mục thủ tục hành chính ban hành kèm theo Quyết định số 3354/QĐ-UBND ngày 17 tháng 9 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Bảo trợ xã hội thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Tại Danh mục thủ tục hành chính ban hành kèm theo Quyết định số 759/QĐ-UBND ngày 13 tháng 3 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc

công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Bảo trợ xã hội thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Tại Danh mục thủ tục hành chính ban hành kèm theo Quyết định số 1136/QĐ-UBND ngày 30 tháng 3 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Bảo trợ xã hội thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Tại Danh mục thủ tục hành chính ban hành kèm theo Quyết định số 229/QĐ-UBND ngày 18 tháng 01 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Phòng, chống tệ nạn xã hội thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Tại Danh mục thủ tục hành chính ban hành kèm theo Quyết định số 5294/QĐ-UBND ngày 20 tháng 11 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Bảo trợ xã hội thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Giám đốc Sở Y tế, Giám đốc Sở Nội vụ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Võ Văn Hoan

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC BẢO TRỢ XÃ HỘI;
PHÒNG, CHỐNG TỆ NẠN XÃ HỘI THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ Y TẾ
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1206/QĐ-UBND ngày 31 tháng 3 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)

A. Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Sở Y tế

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
I. Lĩnh vực Bảo trợ xã hội					
1	Quyết định công nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng từ 30% tổng số lao động trở lên là người khuyết tật	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Sở Y tế	Không	<ul style="list-style-type: none">- Luật Người khuyết tật ngày 17 tháng 6 năm 2010;- Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật người khuyết tật;- Thông tư số 26/2012/TT-BLĐTBXH ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn một số điều của Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Người khuyết tật.- Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế.- Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					<p>thuộc thành phố trực thuộc trung ương.</p> <p>- Quyết định số 970/QĐ-BYT ngày 21 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ lĩnh vực Bảo trợ xã hội và Phòng, chống tệ nạn xã hội thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế.</p>
2	Đăng ký thành lập, đăng ký thay đổi nội dung hoặc cấp lại giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Sở Y tế	Không	<p>- Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội</p> <p>- Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ quy định về sửa đổi, bổ sung các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội.</p> <p>- Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế.</p> <p>- Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương.</p> <p>- Quyết định số 970/QĐ-BYT ngày 21 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ lĩnh vực Bảo trợ xã hội và Phòng, chống tệ nạn xã hội thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế.</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
3	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Sở Y tế	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội - Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ quy định về sửa đổi, bổ sung các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội. - Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế. - Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương. - Quyết định số 970/QĐ-BYT ngày 21 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ lĩnh vực Bảo trợ xã hội và Phòng, chống tệ nạn xã hội thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế.
4	Cấp lại, điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ	15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Sở Y tế	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội - Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ quy định về sửa đổi, bổ sung các nghị định liên quan

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	giúp xã hội có giấy phép hoạt động do Sở Y tế cấp				<p>đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội.</p> <p>- Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế.</p> <p>- Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương.</p> <p>- Quyết định số 970/QĐ-BYT ngày 21 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ lĩnh vực Bảo trợ xã hội và Phòng, chống tệ nạn xã hội thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế.</p>
5	Giải thể cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền thành lập của Sở Y tế	15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Sở Y tế	Không	<p>- Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội</p> <p>- Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ quy định về sửa đổi, bổ sung các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội.</p> <p>- Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					<p>chức của Bộ Y tế.</p> <p>- Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương.</p> <p>- Quyết định số 970/QĐ-BYT ngày 21 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ lĩnh vực Bảo trợ xã hội và Phòng, chống tệ nạn xã hội thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế.</p>
6	Cấp (mới) giấy chứng nhận đăng ký hành nghề công tác xã hội	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Sở Y tế	Không	<p>- Nghị định số 110/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2024 của Chính phủ về công tác xã hội.</p> <p>- Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế.</p> <p>- Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương.</p> <p>- Quyết định số 970/QĐ-BYT ngày 21 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ lĩnh vực Bảo trợ xã hội và Phòng, chống tệ nạn xã hội thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế.</p>
7	Cấp lại giấy	05 ngày	Sở Y tế	Không	<p>- Nghị định số 110/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2024 của</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	chứng nhận đăng ký hành nghề công tác xã hội	làm, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ			<p>Chính phủ về công tác xã hội.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế. - Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương. - Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế. - Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương. - Quyết định số 970/QĐ-BYT ngày 21 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ lĩnh vực Bảo trợ xã hội và Phòng, chống tệ nạn xã hội thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế.
8	Đăng ký hành nghề công tác xã hội tại Việt	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ	Sở Y tế	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 110/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2024 của Chính phủ về công tác xã hội. - Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	Nam đối với người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài	sơ			chức của Bộ Y tế. - Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương. - Quyết định số 970/QĐ-BYT ngày 21 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ lĩnh vực Bảo trợ xã hội và Phòng, chống tệ nạn xã hội thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế.
II. Lĩnh vực Phòng, chống tệ nạn xã hội					
1	Cấp giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân	22 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Sở Y tế	Không	- Nghị định số 09/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống mua bán người. - Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương. - Thông tư số 35/2013/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 09/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống mua bán người. - Thông tư số 08/2023/TT-BLĐTBXH ngày 29 tháng 8 năm 2023

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					<p>Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của các thông tư, thông tư liên tịch có quy định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu giấy, sổ tạm trú giấy hoặc giấy tờ có yêu cầu xác nhận nơi cư trú khi thực hiện thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.</p> <p>- Quyết định số 970/QĐ-BYT ngày 21 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ lĩnh vực Bảo trợ xã hội và Phòng, chống tệ nạn xã hội thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế.</p>
2	Cấp lại giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân	14 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Sở Y tế	Không	<p>- Nghị định số 09/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống mua bán người.</p> <p>- Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế.</p> <p>- Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương.</p> <p>- Thông tư số 35/2013/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 09/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống mua bán người.</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					- Quyết định số 970/QĐ-BYT ngày 21 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ lĩnh vực Bảo trợ xã hội và Phòng, chống tệ nạn xã hội thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế.
3	Sửa đổi, bổ sung giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân	14 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Sở Y tế	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 09/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống mua bán người. - Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế. - Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương. - Thông tư số 35/2013/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 09/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống mua bán người. - Quyết định số 970/QĐ-BYT ngày 21 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ lĩnh vực Bảo trợ xã hội và Phòng, chống tệ nạn xã hội thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế.
4	Gia hạn giấy	14 ngày	Sở Y tế	Không	- Nghị định số 09/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2013 của

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân	làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ			<p>Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống mua bán người.</p> <p>- Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế.</p> <p>- Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương.</p> <p>- Thông tư số 35/2013/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 09/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống mua bán người.</p> <p>- Quyết định số 970/QĐ-BYT ngày 21 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ lĩnh vực Bảo trợ xã hội và Phòng, chống tệ nạn xã hội thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế.</p>
5	Đề nghị chấm dứt hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân	25 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Sở Y tế	Không	<p>- Nghị định số 09/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống mua bán người.</p> <p>- Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế.</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương. - Thông tư số 35/2013/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 09/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống mua bán người. - Quyết định số 970/QĐ-BYT ngày 21 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ lĩnh vực Bảo trợ xã hội và Phòng, chống tệ nạn xã hội thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế.

B. Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Sở Nội vụ

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
Lĩnh vực Bảo trợ xã hội					
1	Thành lập cơ sở trợ giúp xã hội công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	35 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Sở Nội vụ	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội. - Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập. - Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế. - Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương. - Quyết định số 970/QĐ-BYT ngày 21 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ lĩnh vực Bảo trợ xã hội và Phòng, chống tệ nạn xã hội thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế.
2	Tổ chức lại, giải thể cơ sở trợ giúp xã hội công lập thuộc Ủy	40 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ	Sở Nội vụ	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội. - Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	sơ			<p>Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập.</p> <p>- Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế.</p> <p>- Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương.</p> <p>- Quyết định số 970/QĐ-BYT ngày 21 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ lĩnh vực Bảo trợ xã hội và Phòng, chống tệ nạn xã hội thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế.</p>

C. Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Cơ quan khác

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
Lĩnh vực Bảo trợ xã hội					
1	Cấp giấy xác nhận quá trình thực hành công tác xã hội	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Đơn vị, cơ sở có cung cấp dịch vụ công tác xã hội	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 110/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2024 của Chính phủ về công tác xã hội. - Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế. - Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương. - Quyết định số 970/QĐ-BYT ngày 21 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ lĩnh vực Bảo trợ xã hội và Phòng, chống tệ nạn xã hội thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế.
2	Dừng trợ giúp xã hội tại cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh, cấp huyện	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh, cấp huyện	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội. - Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế. - Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					<p>ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương.</p> <p>- Quyết định số 970/QĐ-BYT ngày 21 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ lĩnh vực Bảo trợ xã hội và Phòng, chống tệ nạn xã hội thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế.</p>

D. Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Ủy ban nhân dân cấp huyện

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
Lĩnh vực Bảo trợ xã hội					
1	Đăng ký thành lập, đăng ký thay đổi nội dung hoặc cấp lại giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền của Phòng Y tế	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Phòng Y tế	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội - Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ quy định về sửa đổi, bổ sung các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội. - Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế. - Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương. - Quyết định số 970/QĐ-BYT ngày 21 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ lĩnh vực Bảo trợ xã hội và Phòng, chống tệ nạn xã hội thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế.
2	Cấp giấy phép hoạt động đối với	15 ngày làm việc, kể từ ngày	Phòng Y tế	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	cơ sở trợ giúp xã hội thuộc thẩm quyền của Phòng Y tế	nhận đủ hồ sơ			<p>quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội</p> <p>- Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ quy định về sửa đổi, bổ sung các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội.</p> <p>- Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế.</p> <p>- Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương.</p> <p>- Quyết định số 970/QĐ-BYT ngày 21 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ lĩnh vực Bảo trợ xã hội và Phòng, chống tệ nạn xã hội thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế.</p>
3	Cấp lại, điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội có giấy phép	15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Phòng Y tế	Không	<p>- Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội</p> <p>- Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ quy định về sửa đổi, bổ sung các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động Thương binh và Xã</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	hoạt động do Phòng Y tế				<p>hội.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế. - Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương. - Quyết định số 970/QĐ-BYT ngày 21 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ lĩnh vực Bảo trợ xã hội và Phòng, chống tệ nạn xã hội thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế.
4	Giải thể cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền thành lập của Phòng Y tế	15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Phòng Y tế	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội - Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ quy định về sửa đổi, bổ sung các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội. - Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế. - Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					<p>Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương.</p> <p>- Quyết định số 970/QĐ-BYT ngày 21 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ lĩnh vực Bảo trợ xã hội và Phòng, chống tệ nạn xã hội thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế.</p>
5	Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ chi phí điều trị người bị thương nặng ngoài nơi cư trú mà không có người thân thích chăm sóc	02 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Ủy ban nhân dân cấp huyện	Không	<p>- Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội.</p> <p>- Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế.</p> <p>- Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương.</p> <p>- Quyết định số 970/QĐ-BYT ngày 21 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ lĩnh vực Bảo trợ xã hội và Phòng, chống tệ nạn xã hội thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế.</p>

E. Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
I. Lĩnh vực Bảo trợ xã hội					
1	Xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp Giấy xác nhận khuyết tật	25 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Ủy ban nhân dân cấp xã	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Người khuyết tật. - Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế. - Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương. - Thông tư 01/2019/TT-BLĐTBXH ngày 02 tháng 01 năm 2019 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội quy định về việc xác định mức độ khuyết tật do hội đồng xác định mức độ khuyết tật thực hiện. - Quyết định số 970/QĐ-BYT ngày 21 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ lĩnh vực Bảo trợ xã hội và Phòng, chống tệ nạn xã hội thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế.
2	Cấp đổi, cấp lại Giấy xác nhận khuyết	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ	Ủy ban nhân dân cấp xã	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Người khuyết tật.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	tật	sơ			<ul style="list-style-type: none">- Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế.- Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương.- Thông tư 01/2019/TT-BLĐTBXH ngày 02 tháng 01 năm 2019 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội quy định về việc xác định mức độ khuyết tật do hội đồng xác định mức độ khuyết tật thực hiện.- Quyết định số 970/QĐ-BYT ngày 21 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ lĩnh vực Bảo trợ xã hội và Phòng, chống tệ nạn xã hội thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế.
3	Đăng ký hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Ủy ban nhân dân cấp xã	Không	<ul style="list-style-type: none">- Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội.- Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế.- Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					<p>nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương.</p> <p>- Quyết định số 970/QĐ-BYT ngày 21 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ lĩnh vực Bảo trợ xã hội và Phòng, chống tệ nạn xã hội thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế.</p>
4	Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ làm nhà ở, sửa chữa nhà ở	02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Ủy ban nhân dân cấp xã	Không	<p>- Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội.</p> <p>- Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế.</p> <p>- Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương.</p> <p>- Quyết định số 970/QĐ-BYT ngày 21 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ lĩnh vực Bảo trợ xã hội và Phòng, chống tệ nạn xã hội thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế.</p>
5	Nhận chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng cần	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ	Ủy ban nhân dân cấp xã	Không	<p>- Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội.</p> <p>- Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2025 của</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	bảo vệ khẩn cấp	sơ			<p>Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế.</p> <p>- Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương.</p> <p>- Quyết định số 970/QĐ-BYT ngày 21 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ lĩnh vực Bảo trợ xã hội và Phòng, chống tệ nạn xã hội thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế.</p>
6	Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ chi phí mai táng	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Ủy ban nhân dân cấp xã	Không	<p>- Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội.</p> <p>- Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế.</p> <p>- Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương.</p> <p>- Quyết định số 970/QĐ-BYT ngày 21 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ lĩnh vực Bảo trợ xã hội và Phòng, chống tệ nạn</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					xã hội thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế.
7	Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Ủy ban nhân dân cấp xã	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội. - Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế. - Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương. - Quyết định số 970/QĐ-BYT ngày 21 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ lĩnh vực Bảo trợ xã hội và Phòng, chống tệ nạn xã hội thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế.
8	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng	22 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Ủy ban nhân dân cấp xã	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội. - Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế. - Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	hàng tháng				<p>nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương.</p> <p>- Quyết định số 970/QĐ-BYT ngày 21 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ lĩnh vực Bảo trợ xã hội và Phòng, chống tệ nạn xã hội thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế.</p>
9	Chi trả trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú trong cùng địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	06 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Ủy ban nhân dân cấp xã	Không	<p>- Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội.</p> <p>- Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế.</p> <p>- Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương.</p> <p>- Quyết định số 970/QĐ-BYT ngày 21 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ lĩnh vực Bảo trợ xã hội và Phòng, chống tệ nạn xã hội thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế.</p>
10	Quyết định trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ	08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ	Ủy ban nhân dân cấp xã	Không	<p>- Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội.</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng khi đổi tượng thay đổi nơi cư trú giữa các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, trong và ngoài tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	sơ			<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế. - Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương. - Quyết định số 970/QĐ-BYT ngày 21 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ lĩnh vực Bảo trợ xã hội và Phòng, chống tệ nạn xã hội thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế.
11	Tiếp nhận đổi tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh, cấp huyện	Cơ sở trợ giúp xã hội có trách nhiệm tiếp nhận ngay các đổi tượng cần sự bảo vệ khẩn cấp	Ủy ban nhân dân cấp xã	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội. - Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế. - Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		để chăm sóc, nuôi dưỡng và hoàn thiện các thủ tục theo quy định			nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương. - Quyết định số 970/QĐ-BYT ngày 21 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ lĩnh vực Bảo trợ xã hội và Phòng, chống tệ nạn xã hội thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế.
12	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh, cấp huyện	34 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đối với tiếp nhận đối tượng vào cơ sở cấp tỉnh; 27 ngày làm, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ việc đối với tiếp nhận đối tượng vào cơ sở cấp huyện	Ủy ban nhân dân cấp xã	Không	- Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội. - Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế. - Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương. - Quyết định số 970/QĐ-BYT ngày 21 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ lĩnh vực Bảo trợ xã hội và Phòng, chống tệ nạn xã hội thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
II. Lĩnh vực Phòng, chống tệ nạn xã hội					
1	Hỗ trợ học văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân	11 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Ủy ban nhân dân cấp xã	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 09/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống mua bán người. - Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế. - Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương. - Thông tư số 35/2013/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 09/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống mua bán người. - Thông tư số 08/2023/TT-BLĐTBXH ngày 29 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của các Thông tư, Thông tư liên tịch có quy định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu giấy, sổ tạm trú giấy hoặc giấy tờ có yêu cầu xác nhận nơi cư trú khi thực hiện thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. - Quyết định số 970/QĐ-BYT ngày 21 tháng 3 năm 2025 của Bộ

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					trường Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ lĩnh vực Bảo trợ xã hội và Phòng, chống tệ nạn xã hội thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế.

Ghi chú: Trường hợp Ủy ban nhân dân cấp huyện không tổ chức riêng Phòng Y tế thì cơ quan thực hiện thủ tục hành chính cấp huyện là Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân

VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, quận 1

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: tcb.ubnd@tphcm.gov.vn

Website: www.congbao.hochiminhcity.gov.vn

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng